

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày: 24-4-2024

V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Tuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Trần Văn Liêm.

*-Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 556/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “tranh chấp đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Phước T, sinh năm 1980. HKTT: Số A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của ông T:* Ông Trương Quốc K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ E, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền (hợp đồng uỷ quyền ngày 21/12/2023)

*Bị đơn:* Ông Lê Hùng Đ, sinh năm 1994. HKTT: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Nghiêm T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: C L, khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện nguyên đơn ông K có mặt; bị đơn ông Đ vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, đại diện nguyên đơn (ông **Trương Quốc K**) trình bày:

Trước đây, nguyên đơn và **Lê Hùng Đ** có quen biết nhau do làm việc chung **công ty TNHH C** (gọi tắt là **công ty C**), trong thời gian làm việc chung tại **công ty C**, ông **Đ** nói quen biết nhiều nơi mua nguyên vật liệu xây dựng công trình với giá rẻ nên ông **Đ** rủ nguyên đơn tiến hành hợp tác mua nguyên vật liệu xây dựng để bán lại cho các công trình xây dựng kiếm lời, nguyên đơn đồng ý, do tin tưởng nhau nên nguyên đơn và ông **Đ** chỉ thỏa thuận miệng, nguyên đơn đã nhiều lần chuyển khoản tiền cho ông **Đ** để ông **Đ** đi mua nguyên vật liệu xây dựng, cụ thể:

- Ngày 24/06/2023, nguyên đơn đã nhờ em ruột nguyên đơn tên **Trần Nghiêm T1**, sinh năm 1983, nơi thường trú/nơi ở: C18.02 **chung cư L, phường T, thành phố T, TP**. dùng số tài khoản: 0903949166, tại **ngân hàng TMCP V** (viết tắt VPB) chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên **Lê Hùng Đ**, tại **ngân hàng TMCP Q** (tên viết tắt là MB).

- Ngày 27/06/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại **ngân hàng TMCP X (E)** chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên **Lê Hùng Đ**, tại **ngân hàng TMCP Q** (tên viết tắt là MB).

- Ngày 11/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại **ngân hàng TMCP X (E)** chuyển khoản số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên **Lê Hùng Đ**, tại **ngân hàng TMCP Q** (tên viết tắt là MB).

- Ngày 12/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại **ngân hàng TMCP X (E)** chuyển khoản số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên **Lê Hùng Đ**, tại **ngân hàng TMCP Q** (tên viết tắt là MB).

- Ngày 14/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại **ngân hàng TMCP X (E)** chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên **Lê Hùng Đ**, tại **ngân hàng TMCP Q** (tên viết tắt là MB).

- Ngày 15/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại **ngân hàng TMCP X (E)** chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên **Lê Hùng Đ**, tại **ngân hàng TMCP Q** (tên viết tắt là MB).

- Ngày 17/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại **ngân hàng TMCP X (E)** chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên **Lê Hùng Đ**, tại **ngân hàng TMCP Q** (tên viết tắt là MB).

- Ngày 18/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 19/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 20/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 24/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 27/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 31/07/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 01/08/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 02/08/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 03/08/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

- Ngày 05/08/2023, nguyên đơn dùng số tài khoản 0981149110 của nguyên đơn tại ngân hàng TMCP X (E) chuyển khoản số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) đến số tài khoản 397996868, người thụ hưởng tên Lê Hùng Đ, tại ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt là MB).

Tổng cộng nguyên đơn đã chuyển khoản cho ông Đ số tiền 450.650.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), ông Đ đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn nhiều lần với số tiền 333.500.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), hiện tại ông Đ không còn tiến hành thu mua nguyên vật liệu xây dựng nữa và còn nợ nguyên đơn số tiền 117.150.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu đồng), nguyên đơn đã gặp ông Đ nhiều lần để đòi tiền nhưng ông Đ cứ hèn.

- Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu ông Đ trả cho ông T tổng số tiền là 132.000.000 đồng.

- Theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu đối với số tiền 14.850.000 đồng, chỉ yêu cầu ông Đ trả lại cho nguyên đơn số tiền 117.150.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Đ trả lại cho nguyên đơn số tiền 117.150.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu khác.

\* Bị đơn ông Lê Hùng Đ đã được niêm yết triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không thu thập được ý kiến.

\* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Trần Nghiêm T1) thể hiện trên biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt như sau:

Ông T1 xác định số tiền 50.000.000 đồng mà ông T1 chuyển khoản cho ông Lê Hùng Đ ngày 24/6/2023 là theo yêu cầu của ông T, ông T mượn số tiền này từ ông T1 và yêu cầu ông T1 chuyển trực tiếp cho ông Đ thay vì phải chuyển cho ông T trước rồi ông T mới chuyển khoản cho ông Đ. Đối với quan hệ vay mượn số tiền 50.000.000 đồng giữa ông T1 với ông T thì ông T1 không có yêu cầu tranh chấp và sẽ tự giải quyết với ông T.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp đòi tài sản. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông **K** có mặt, bị đơn ông **Đ** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông **T** yêu cầu bị đơn ông **Đ** phải trả lại cho ông **T** số tiền là 117.150.000 đồng. Ông **Đ** hiện đang cư trú tại **ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương**. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là tranh chấp đòi tài sản. Quá trình giải quyết nguyên đơn tự nguyện xin rút yêu cầu đối với số tiền 14.500.000 đồng là sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông **T** yêu cầu bị đơn ông **Đ** phải trả lại cho ông **T** số tiền là 117.150.000 đồng mà ông **T** đã chuyển khoản cho ông **Đ** nhưng ông **Đ** chưa trả lại căn cứ vào bảng sao kê tài khoản thể hiện giao dịch chuyển tiền qua lại giữa số tài khoản 0981149110 (tài khoản **Ngân hàng TMCP X (E)**) của nguyên đơn với số tài khoản 397996868 (tài khoản **Ngân hàng TMCP Q**) của bị đơn trong khoản thời gian từ ngày 21/6/2023 đến ngày 11/8/2023. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **T1** thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng mà ông **T1** chuyển cho ông **Đ** là tiền của ông **T** nhờ ông **T1** chuyển khoản cho ông **Đ**. Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết công khai đối với bị đơn ông **Lê Hùng Đ** nhưng ông **Đ** vẫn vắng mặt, không cung cấp ý kiến hay chứng cứ tại Tòa án. Văn bản số 37/MB-DNI ngày 24/01/2024 của **Ngân hàng TMCP Q** đã xác định số tài khoản 397996868 là của ông **Lê Hùng Đ**, sinh ngày 20/02/1994. Địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương**, số căn cước 038094018095 và bản sao kê thể hiện giao dịch của số tài khoản 397996868 từ ngày 21/6/2023 đến ngày 11/8/2023. Qua đối chiếu nội dung sao kê tài khoản của các đương sự thấy rằng từ ngày 21/6/2023 đến ngày 11/8/2023, nguyên đơn ông **T** đã chuyển khoản cho bị đơn ông **Đ** tổng số tiền: 450.650.000 đồng, bị đơn ông **Đ** đã chuyển khoản lại cho ông **T** tổng số tiền 333.500.000 đồng, số tiền chênh lệch là 117.500.000 đồng. Có căn cứ xác định giữa nguyên đơn bà bị đơn có chuyển tiền qua lại thông qua tài khoản ngân hàng của các đương sự; nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn nhiều hơn với tổng số tiền là 117.500.000 đồng. Nguyên đơn xác định hai bên có quan hệ làm ăn, nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn làm ăn nhưng bị đơn chưa trả đủ cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả lại. Yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền 117.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 244, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Phước T** đối với bị đơn ông **Lê Hùng Đ** về việc “tranh chấp đòi tài sản”.

Buộc ông **Lê Hùng Đ** có trách nhiệm trả cho ông **Trần Phước T** số tiền 117.500.000 đồng (một trăm mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Phước T** đối với số tiền 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Lê Hùng Đ** phải chịu 5.875.000 đồng (năm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông **Trần Phước T** số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009589 ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2024).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Tuyên**